

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần				ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ					SỐ	CHỮ	
				10%				30%	60%	100%		
					1							
1	1812219482	Đặng Thị Hoàng Anh	N18KDN1	10	8			8.0	6.0	7.0	Bảy	
2	1813219488	Lê Thanh Cường	N18KDN1	0	0			0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
3	1812219492	Nguyễn Thị Phương Dung	N18KDN1	4	6			6.0	6.0	5.8	Năm phẩy Tám	
4	1812219507	Võ Vương Hiền	N18KDN1	7	8			8.0	6.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
5	1812219508	Nguyễn Thị Thúy Hiền	N18KDN1	0	0			0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
6	1812219509	Nguyễn Thị Diệu Hiền	N18KDN1	7	6			6.0	6.0	6.1	Sáu phẩy Một	
7	1813219511	Đặng Văn Hiếu	N18KDN1	7	6			6.0	6.0	6.1	Sáu phẩy Một	
8	1813219516	Trần Minh Hoàng	N18KDN1	4	8			8.0	6.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
9	1812219530	Lê Hoàng Bảo Khanh	N18KDN1	4	6			6.0	6.0	5.8	Năm phẩy Tám	
10	1812219539	Trần Thị Mỹ Linh	N18KDN1	7	6			6.0	6.0	6.1	Sáu phẩy Một	
11	1813219542	Trương Văn Lương	N18KDN1	7	6			6.0	6.0	6.1	Sáu phẩy Một	
12	1812219543	Nguyễn Thị Mai	N18KDN1	10	6			6.0	6.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
13	1812219552	Trần Hồng Ngọc	N18KDN1	4	6			6.0	6.0	5.8	Năm phẩy Tám	
14	1813219554	Nguyễn Hồ Bảo Nguyên	N18KDN1	10	6			6.0	6.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
15	1812219560	Trần Thị Nhi	N18KDN1	10	8			8.0	10.0	9.4	Chín phẩy Bốn	
16	1812219571	Trần Thị Tú Quyên	N18KDN1	10	6			6.0	6.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
17	1813219573	Thái Minh Sạng	N18KDN1	7	10			10.0	10.0	9.7	Chín phẩy Bảy	
18	1813219574	Trần Quốc Sanh	N18KDN1	4	8			8.0	0.0	0.0	Không	HP
19	1813219575	Phạm Ngọc Sơn	N18KDN1	1	8			8.0	4.0	0.0	Không	
20	1812219581	Nguyễn Thị Tuyết Sương	N18KDN1	4	6			6.0	6.0	5.8	Năm phẩy Tám	
21	1812219583	Trần Thị Thanh Tâm	N18KDN1	1	6			6.0	0.0	0.0	Không	HP
22	1813219584	Nguyễn Văn Tân	N18KDN1	4	8			8.0	8.0	7.6	Bảy phẩy Sáu	
23	1813219585	Nguyễn Ngọc Thạch	N18KDN1	0	0			0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
24	1813219598	Đỗ Đức Thắng	N18KDN1	0	0			0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
25	1813219586	Trần Nhật Thanh	N18KDN1	7	6			6.0	6.0	6.1	Sáu phẩy Một	
26	1812219590	Phạm Thị Duy Thảo	N18KDN1	7	6			6.0	6.0	6.1	Sáu phẩy Một	
27	1812219592	Trần Thị Thu Thảo	N18KDN1	7	6			6.0	6.0	6.1	Sáu phẩy Một	
28	1812219593	Tào Thanh Thảo	N18KDN1	4	8			8.0	6.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
29	1812219597	Hoàng Thị Thanh Thảo	N18KDN1	0	0			0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
30	1812219602	Nguyễn Thị Thủy	N18KDN1	7	10			10.0	0.0	0.0	Không	HP
31	1812219611	Lê Thị Ngọc Trâm	N18KDN1	7	8			8.0	8.0	7.9	Bảy phẩy Chín	

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần				ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ					SỐ	CHỮ	
32	1812219609	Đoàn Thị Thu Trang	N18KDN1	7	8			8.0	6.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
33	1812219612	Trần Thị Lê Trúc	N18KDN1	4	6			6.0	6.0	5.8	Năm phẩy Tám	
34	1813219613	Dương Tấn Tú	N18KDN1	0	0			0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
35	1813219617	Hoàng Thanh Tùng	N18KDN1	1	8			8.0	8.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
36	1812219619	Trần Thoại Uyên	N18KDN1	10	6			6.0	6.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	26	72%	
2	Số sinh viên nợ	10	28%	
TỔNG CỘNG :		36	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 10 năm 2013
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Ân